

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 83/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Nhóm 1: Nhóm đối tượng trả giá dịch vụ theo nguyên tắc có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương, bao gồm: Hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải phát sinh CTRSH dưới 300 kg/ngày quy định tại khoản 1 Điều 58 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.1. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chưa triển khai thực hiện phân loại tại nguồn CTRSH:

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu giá dịch vụ	
			Khu vực các phường	Khu vực các xã
1	Hộ gia đình, cá nhân không sản xuất, kinh doanh	Đồng/người/tháng	8.000	3.000

2	Hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh/Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh ≤ 100 kg/tháng	Đồng/tháng	23.000	18.000
3	Hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh/Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 100 kg/tháng đến 150 kg/tháng	Đồng/tháng	38.000	31.000
4	Hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh/Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 150 kg/tháng đến 200 kg/tháng	Đồng/tháng	53.000	44.000
5	Hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh/Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 200 kg/tháng đến 250 kg/tháng	Đồng/tháng	67.000	56.000
6	Hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh/Chủ nguồn thải có khối lượng CTRSH phát sinh trên 250 kg/tháng đến dưới 300 kg/tháng	Đồng/tháng	84.000	69.000

**Ghi chú: Mức giá dịch vụ cho đối tượng chủ nguồn thải là áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.*

1.2. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện phân loại tại nguồn CTRSH:

TT	Dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá cụ thể chưa bao gồm thuế VAT	
			Khu vực các phường	Khu vực các xã
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn đối với chất thải thực phẩm	Đồng/kg	245	201
2	Dịch vụ thu gom tại nguồn đối với CTRSH khác còn lại	Đồng/kg	305	251

**Ghi chú: Mức giá này đã tách thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra. Trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.*

2. Nhóm 2: Nhóm đối tượng là các chủ nguồn thải theo quy định tại khoản 2, Điều 58 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có); hộ gia đình, cá nhân có lượng phát sinh CTRSH từ 300 kg/ngày trở lên.

2.1. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chưa thực hiện phân loại tại nguồn CTRSH. Mức giá thu gom, vận chuyển, xử lý được xác định

bằng khối lượng CTRSH phát sinh tính bằng kg nhân với mức giá cụ thể quy định như sau:

STT	Dịch vụ	ĐVT	Mức giá dịch vụ	
			Khu vực các phường	Khu vực các xã
1	Dịch vụ thu gom CTRSH	Đồng/kg	305	836
2	Dịch vụ vận chuyển CTRSH	Đồng/kg	171	187
3	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng phương pháp chôn lấp	Đồng/kg	92	91
4	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng phương pháp đốt không thu hồi năng lượng	Đồng/kg	421	420

**Ghi chú: Mức giá này đã tách thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra. Trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.*

2.2. Mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện phân loại tại nguồn CTRSH. Mức giá thu gom, vận chuyển, xử lý được xác định bằng khối lượng CTRSH phát sinh tính bằng kg nhân với mức giá cụ thể quy định như sau:

STT	Dịch vụ	ĐVT	Mức giá dịch vụ	
			Khu vực các phường	Khu vực các xã
1	Dịch vụ thu gom tại nguồn đối với chất thải thực phẩm	Đồng/kg	245	670
2	Dịch vụ thu gom tại nguồn đối với chất thải khác còn lại	Đồng/kg	305	836
3	Dịch vụ vận chuyển chất thải thực phẩm	Đồng/kg	189	207
4	Dịch vụ vận chuyển CTRSH khác còn lại	Đồng/kg	171	187
5	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng phương pháp chôn lấp	Đồng/kg	92	91
6	Dịch vụ xử lý CTRSH bằng phương pháp đốt không thu hồi năng lượng	Đồng/kg	421	420

**Ghi chú: Mức giá này đã tách thuế giá trị gia tăng đầu vào, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng đầu ra. Trong quá trình triển khai thực hiện áp dụng mức thuế giá trị gia tăng đầu ra theo quy định hiện hành.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ thu gom, vận chuyển,

xử lý CTRSH xác định khối lượng CTRSH phát sinh của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân theo Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Cung cấp hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn hoạt động của chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân để phục vụ cho công tác quản lý trong trường hợp chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ.

c) Thực hiện chi trả giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân để xác định khối lượng CTRSH phát sinh của các chủ nguồn thải, hộ gia đình, cá nhân do đơn vị mình cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Cung cấp hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH cho các đơn vị quản lý nhà nước đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành.

c) Tổ chức thực hiện thu và chi trả giá cụ thể dịch vụ vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này; được thanh toán chi phí phục vụ công tác thu giá dịch vụ trong tổng dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn, hỗ trợ UBND cấp xã kịp thời trong quá trình triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong trường hợp cần thiết hoặc theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

c) Hàng năm trước ngày 15 tháng 02, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện về Giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh của năm liền kề.

4. Sở Tài chính

a) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện việc thu giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và công tác quản lý thu giá theo quy định.

b) Hướng dẫn UBND cấp xã triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan; báo cáo dự toán kinh phí vận chuyển, xử lý CTRSH từ nguồn ngân sách tỉnh để làm cơ sở xem xét bố trí dự toán cho UBND cấp xã hàng năm.

5. Thuế tỉnh Tuyên Quang

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện chứng từ, hóa đơn thu giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo Quyết định này và các quy định

pháp luật hiện hành có liên quan.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức triển khai quy định về giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn quản lý theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Xây dựng phương án thu giá dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đảm bảo thu đúng, thu đủ; chi phí phục vụ cho công tác thu giá dịch vụ được tính toán, xác định trong tổng dự toán được duyệt đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật hiện hành, làm cơ sở lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ.

c) Tuyên truyền, vận động Nhân dân trên địa bàn quản lý thực hiện quy định giá cụ thể theo Quyết định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

d) Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với chủ thu gom, chủ vận chuyển CTRSH thực hiện thống kê, quản lý cơ sở dữ liệu về khối lượng CTRSH phát sinh của tất cả hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý làm cơ sở xác định mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phải thu theo quy định.

đ) Tổng hợp, quản lý cơ sở dữ liệu về hợp đồng chuyển giao CTRSH của tất cả hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải trên địa bàn quản lý (bao gồm chủ nguồn thải chuyển giao CTRSH ra ngoài tỉnh) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) làm cơ sở quản lý.

e) Định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 01 hoặc đột xuất theo yêu cầu gửi báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính về tình hình triển khai, quản lý, thu chi giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn.

g) Phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trên địa bàn tổ chức thu giá cụ thể theo Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan.

h) Tổ chức giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền chuyển cấp có thẩm quyền xử lý trong quá trình thực hiện thu và quản lý giá dịch vụ.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các Quyết định sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định giá dịch vụ và hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang bãi bỏ một phần Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ và hình thức thu giá dịch

vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

b) Bãi bỏ số thứ tự 12 Phụ lục III, số thứ tự số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có thay đổi về quy định pháp luật, căn cứ áp dụng để tính giá hoặc điều kiện thực hiện, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá cho phù hợp.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng; Trưởng thuế tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long